

Bản án số: 605/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15/12/2022.

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng Vương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nghiêm Thị Xuân Huệ.

2. Ông Nguyễn Đình Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Minh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 tháng 11 và ngày 15 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 6441/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 6992/2022/QĐHPTST- HNGĐ ngày 16/11/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn N, sinh năm: 1976;

Địa chỉ: 52/52 Huỳnh Thiện Lộc, phường Hoà Thạnh, quận Tân Phú, Tp.HCM.

Địa chỉ liên lạc: Tầng 11, số B, phường P, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo uỷ quyền tiến hành các thủ tục liên quan đến vụ án ly hôn là ông Phạm N, sinh năm: 1999 hoặc bà Nguyễn M, sinh năm: 1999. Địa chỉ: B, Phường P, quận Tân Bình.

2. Bị đơn: Ông GAN B, sinh năm: 1975;

Hộ chiếu số: A51382568 Tại Shah Alam, Malaysia. Quốc tịch: Malaysia.

Hộ khẩu thường trú: 32 Jalan Cemara SD3/2 Bandar Sri Damansara, Kepong Kuala Lumpur, Malaysia. Địa chỉ nơi làm việc: Toà nhà S, số U, phường M, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền tiến hành các thủ tục liên quan đến vụ án ly hôn là ông Nguyễn T, sinh năm: 2000, địa chỉ: Tầng 11, số B, phường P, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà V và ông GAN B có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 21/04/2022, trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn là bà Nguyễn N trình bày:

Bà và ông GAN B tự nguyện sống chung và đăng ký kết hôn vào năm 2015 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 140, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/01/2015.

Thời gian đầu sống chung hạnh phúc, nhưng khoảng thời gian sau này ông bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do tính tình không phù hợp, sự khác biệt lớn về văn hoá dẫn đến bất đồng quan điểm sống, đời sống chung vợ chồng lạnh nhạt, không hạnh phúc. Mặc dù, ông bà đã nhiều lần hòa giải tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả. Đến tháng 10 năm 2021, thì bà và ông GAN B chính thức ly thân cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn với ông GAN B.

Về con chung: Bà và ông GAN B có 01 con chung là trẻ Gan K (giới tính: Nữ), sinh ngày 20/5/2017. Sau khi ly hôn bà xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Bà yêu cầu ông GAN B cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 5.000.000 đồng/ tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn bà V khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn có trình bày, vì thực tế bà và ông GAN B từ tháng 10 năm 2021 nên bà không rõ địa chỉ tạm trú và có cung cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH AVANTCHEM VIỆT NAM do ông GAN B giữ chức danh là Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty, địa chỉ trụ sở chính: Toà nhà Saigon Trade Center, số M đường G, phường U, Quận 1 và bà V có đơn lựa chọn thẩm quyền giải quyết là nơi làm việc của Bị đơn ông GAN B.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án nhân dân Quận 1 có nhận được bản tự khai của ông GAN B đề ngày 24/5/2022 và được Văn phòng công chứng Phạm Xuân Thọ chứng thực số: 000627 SCT/CK,CD ngày 24/5/2022, (có người phiên dịch là ông Nguyễn Y, chứng minh nhân dân số: 365751727 do công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 22/5/2019) với nội dung: *“Tôi và vợ tôi – Nguyễn N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/01/2015 vào sổ đăng ký kết hôn số 140, quyển số: 01 ngày 16/01/2015. Sau khi kết hôn, tôi và vợ sinh tại Việt Nam có 01 con chung là Gan K, sinh ngày 20/5/2017. Trong quá trình sống chung, giữa chúng tôi xảy ra rất nhiều mâu thuẫn, nhưng do bất đồng ngôn ngữ cũng như văn hoá khác nhau, nên không thể cùng nhau giải quyết được. Dần dần, cả hai vợ chồng không còn nói chuyện với nhau và tình cảm cũng không còn nữa. Cho đến hiện tại, chúng tôi không còn sống chung với nhau. Do đó, vợ tôi là bà Nguyễn N đề xuất được nhanh chóng ly hôn để mỗi người có cuộc sống riêng.*

Nay xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân của chúng tôi không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, do đó, tôi buộc lòng đề nghị Toà án chấp thuận cho vợ tôi là Nguyễn N được đồng thuận ly hôn với tôi.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là Gan H, sinh ngày 20/5/2017 và yêu cầu Toà án giải quyết bà Nguyễn N được nuôi con. Tôi xin cấp dưỡng cho con 5.000.000 (năm triệu) đồng/ tháng.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết”. Đồng thời, ông GAN B có đơn xin vắng mặt giải quyết ly hôn vắng mặt ông, được Văn phòng công chứng Phạm Xuân Thọ chứng thực số 000628SCT/CK,CD ngày 24/5/2022 và có văn bản uỷ quyền được Văn phòng công chứng Phạm Xuân Thọ chứng nhận số 002874, quyền số 05/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/5/2022 cho ông Nguyễn T, sinh năm 2000, chứng minh nhân dân số 08220000278, địa chỉ liên hệ số Tầng 11, số B, phường P, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh làm đại diện ông liên hệ ký nhận các thủ tục tố tụng liên quan đến vụ án ly hôn và đơn cung cấp địa chỉ liên hệ tại Tầng 11, số B, phường P, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh được Văn phòng công chứng Phạm Xuân Thọ chứng nhận số 000628SCT/CK,CD ngày 24/5/2022.

Tại buổi công khai chứng cứ và hoà giải bà V thừa nhận các văn bản nêu trên của ông GAN B.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của bà V và ông GAN B tại địa phương là Ủy ban nhân dân phường Hoà Thạnh, quận Tân Phú với kết quả: “Bà Nguyễn N và ông GAN B có đăng ký kết hôn vào năm 2015, hai bên chung sống tại địa chỉ số 52/52 Huỳnh Thiện Lộc, phường Hoà Thạnh, quận Tân Phú, đến năm 2017 có sinh một con chung là Gan K. Sau khi sinh con ông bà thường xảy ra mâu thuẫn, đã nhiều lần hoà giải nhưng không thành, bà V cảm thấy không còn phù hợp nữa nên nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân Quận 1. Hiện nay, ông GAN B không còn sống chung với bà V, hiện bà V đang trực tiếp nuôi con và sinh sống tại số O, phường L. Bà V xin nuôi con và tạo điều kiện để ông GAN B đến thăm con và yêu cầu ông GAN B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng. Nếu sau này hai bên có phát sinh về vấn đề chăm sóc nuôi dưỡng hai bên tự giải quyết”.

Toà án có tiến hành xác minh cục quản lý xuất nhập cảnh và Cục quản lý xuất nhập cảnh có văn bản trả lời số 1749/QLXNC-P4 ngày 18/7/2022 với nội dung: “GAN B, sinh ngày 26/02/1975, số hộ chiếu: A51382568, Quốc tịch Malaysia. Từ năm 2018 đến năm 2022, đương sự lần lượt nhận xuất cảnh Việt Nam 17 lượt, lần cuối cùng nhập cảnh vào ngày 27/01/2020”. Do đó, có căn cứ xác định tại thời điểm Tòa án nhân dân Quận 1 thụ lý giải quyết có Bị đơn ông GAN B có mặt tại Việt Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho Bị đơn. Nguyên đơn, Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Nguyên đơn, Bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì bà Nguyễn N và ông GAN B có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 140, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/01/2015. Quá trình sống chung ông bà có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm sống và sự khác biệt về văn hoá dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà V xin ly hôn và ông GAN B đồng ý. Trong thời gian sống chung ông bà có 01 con chung duy nhất là Gan K, sinh ngày 20/5/2017. Sau khi ly hôn, bà V xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông GAN B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi và ông GAN B đồng ý. Về tài sản chung và nợ chung hai bên khai không và

không yêu cầu Toà án giải quyết. Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn có sổ vào sổ đăng ký kết hôn số 140, quyển số 01 tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/01/2015 thì bà Nguyễn N và ông GAN B có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà V có đơn xin ly hôn với ông GAN B. Căn cứ công văn số 1749/QLXNC –P4 ngày 18/7/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh với nội dung “ GAN B, sinh ngày 26/02/1975, số hộ chiếu: 51382568, quốc tịch: Malaysia. Từ năm 2018 đến 2022, đương sự nhập xuất cảnh Việt Nam 17 lượt, lần cuối nhập cảnh vào ngày 27/01/2020”. Do đó có căn cứ xác định, tại thời điểm Nguyên đơn nộp đơn xin ly hôn, ông GAN B đang cư trú tại Việt Nam. Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH Một Thành Viên A Việt Nam có mã số 0311401879 đăng ký lần đầu 18/11/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 5/11/2020 thì ông GAN B có hộ chiếu (Pasport Malaysia) số 51382568 quốc tịch Malaysia và hiện là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH A Việt Nam, có trụ sở chính tại Toà nhà Q, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và Nguyên đơn bà Nguyễn N có đơn xin lựa chọn thẩm quyền giải quyết là nơi làm việc của ông GAN B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1 theo khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

[1.2]. Về tố tụng: Căn cứ bản tự khai của ông GAN B đề ngày 24/5/2022 và được Văn phòng công chứng Phạm Xuân Thọ chứng thực số: 000627 SCT/CK,CD ngày 24/5/2022, (có người phiên dịch là ông Nguyễn Bùi Bá Huy, chứng minh nhân dân số: 365751727 do công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 22/5/2019) với nội dung: *“Tôi và vợ tôi – Nguyễn N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/01/2015 vào sổ đăng ký kết hôn số 140, quyển số: 01 ngày 16/01/2015. Sau khi kết hôn, tôi và vợ sinh tại Việt Nam có 01 con chung là Gan K, sinh ngày 20/5/2017. Trong quá trình sống chung, giữa chúng tôi xảy ra rất nhiều mâu thuẫn, nhưng do bất đồng ngôn ngữ cũng như văn hoá khác nhau, nên không thể cùng nhau giải quyết được. Dần dần, cả hai vợ chồng không còn nói chuyện với nhau và tình cảm cũng không còn nữa. Cho đến hiện tại, chúng tôi không còn sống chung với nhau. Do đó, vợ tôi là bà Nguyễn N đề xuất được nhanh chóng ly hôn để mỗi người có cuộc sống riêng.*

Nay xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân của chúng tôi không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, do đó, tôi buộc lòng đề nghị Toà án chấp thuận cho vợ tôi là Nguyễn N được đồng thuận ly hôn với tôi.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là Gan K, sinh ngày 20/5/2017 và yêu cầu Toà án giải quyết bà Nguyễn N được nuôi con. Tôi xin cấp dưỡng cho con 5.000.000 (năm triệu) đồng/ tháng.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết”. Đồng thời ông GAN B có đơn xin vắng mặt giải quyết ly hôn vắng mặt ông được Văn phòng công chứng Phạm Xuân Thọ chứng thực số 000628SCT/CK,CD ngày 24/5/2022 và có văn bản uỷ quyền đượng Văn phòng công chứng Phạm Xuân Thọ chứng nhận số 002874, quyển số 05/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/5/2022 cho ông Nguyễn T, sinh năm 2000, chứng minh nhân dân số 08220000278, địa chỉ liên hệ số Tầng 11, số 246

Cống Quỳnh, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh làm đại diện ông liên hệ ký nhận các thủ tục tố tụng liên quan đến vụ án ly hôn và đơn cung cấp địa chỉ liên hệ tại tầng 11 số 246 Công Quỳnh, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh được Văn phòng công chứng Phạm Xuân Thọ chứng nhận số 000628SCT/CK,CD ngày 24/5/2022. Xét, tại buổi công khai chứng và ghi nhận ý kiến của Nguyên đơn thì bà V công nhận những nội dung mà ông GAN B trình bày là đúng sự thật theo qui định tại Điều 93 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì văn bản vẫn được xem là chứng cứ. Đồng thời, Nguyên đơn, Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Nguyên đơn, Bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Xét, bà V trình bày trong thời gian chung sống với nhau, ông bà thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm và do khác biệt về văn hoá. Mặc dù, ông bà đã nhiều lần hoà giải nhưng vẫn không có kết quả. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn với GAN B.

[2.2] Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án nhân dân Quận 1 Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của bà V và ông GAN B tại địa phương là Ủy ban nhân dân phường Hoà Thạnh, quận Tân Phú với kết quả: “ bà Nguyễn N và ông GAN B có đăng ký kết hôn vào năm 2015, hai bên chung sống tại địa chỉ số 52/52 Huỳnh Thiện Lộc, phường Hoà Thạnh, quận Tân Phú, đến năm 2017 có sinh một con chung là Gan K. Sau khi sinh con ông bà thường xảy ra mâu thuẫn, đã nhiều lần hoà giải nhưng không thành, bà V cảm thấy không còn phù hợp nữa nên nộp đơn xin ly hôn tại Toà án nhân dân Quận 1. Hiện nay, ông GAN B không còn sống chung với bà V, hiện bà V đang trực tiếp nuôi con và sinh sống tại số D. Bà V xin nuôi con và tạo điều kiện để ông GAN B đến thăm con và yêu cầu ông GAN B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng. Nếu sau này hai bên có phát sinh về vấn đề chăm sóc nuôi dưỡng hai bên tự giải quyết”.

Toà án có tiến hành xác minh cục quản lý xuất nhập cảnh và Cục quản lý xuất nhập cảnh có văn bản trả lời số 1749/QLXNC-P4 ngày 18/7/2022 với nội dung ông GAN B hiện đang có mặt tại Việt Nam.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa bà V và ông GAN B là trầm trọng, dù ông bà đã nhiều lần hoà giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả.

[2.3] Hội đồng xét xử xét thấy, Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...” nhưng bà V và ông GAN B cùng thừa nhận ông bà không tìm được tiếng nói chung nên quá trình sống chung ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và do khác biệt về văn hoá nên mặc dù ông bà đã nhiều lần hoà giải nhưng vẫn không có kết quả. Nay bà V xin ly hôn và ông GAN B đồng ý nên ghi nhận việc thuận tình ly hôn của ông bà là có cơ sở và phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 56; 57, 58 và các Điều 68, 69, 70, 71, 72, 73, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87 và khoản 1 Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà V và ông GAN B có 01 con chung tên Gan K (giới tính: Nữ), sinh ngày 20/5/2017. Sau khi ly hôn bà V xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông GAN B cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung được thực hiện nay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ông GAN B đồng ý ly hôn, đồng ý giao

con chung tên Gan K cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con 18 tuổi nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà V và ông GAN B khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí:

- Buộc bà Nguyễn N nộp án phí Ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

- Buộc ông GAN B nộp án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 56, 57, 58 và các Điều 68, 69, 70, 71, 72, 73, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87 và khoản 1 Điều 88; 121, 122, 123, 127, 128, 129 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là bà Nguyễn N.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn N và ông GAN B (quốc tịch Malaysia, có số hộ chiếu A31275658, tại Malaysia) thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn có số vào sổ đăng ký kết hôn số 140, quyển số 01 tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/01/2015 cấp cho bà Nguyễn N và ông GAN B sẽ không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Nguyễn N và ông GAN B cùng thỏa thuận giao con chung tên Gan K (giới tính: Nữ), sinh ngày 20/5/2017 cho bà Nguyễn N trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Nguyễn N và ông GAN B cùng thỏa thuận mức cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng được thực hiện nay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn N có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông GAN B chưa thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng ông GAN B phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

- Ông GAN B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Ông GAN B không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn N và ông GAN B khai không có nên không xem xét giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Nguyễn N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà V đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0005777 ngày 10/05/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 1. Bà V đã nộp đủ tiền án phí.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Ông GAN B có trách nhiệm phải nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Về quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn N và ông GAN B được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Ủy ban nhân dân TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Lưu: hồ sơ vụ án (Tk.Minh Anh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Hoàng Vương

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 21 tháng 12 năm 2018.

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng Vương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Kim Triều.

2. Ông Nguyễn Đình Phúc.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 408/2016/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2016 về tranh chấp ly hôn theo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5693/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2016 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5947/2018/QĐHPTST- HNGĐ ngày 29/11/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Hằng**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: 211/8 Nguyễn Thái Bình, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Sáu**, sinh năm 1974.

Hộ khẩu thường trú: 211/8 Nguyễn Thái Bình, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: 24 Quốc lộ 62, Phường 2, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

**Hội đồng xét xử đã thảo luận và thống nhất biểu quyết, quyết định 3/3 (100%)
tất cả các vấn đề của vụ án như sau:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 68, 69, 70, 71, 72, 73 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Hằng với ông Nguyễn Văn Sáu.

Giấy chứng nhận kết hôn số 14, quyển số 01/2001 tại Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 11 Hồ Chí Minh cấp ngày 13/02/2001 vẫn còn nguyên giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Do yêu cầu ly hôn không chấp nhận nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Hằng và ông Sáu không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do bà Trần Thị Hằng nộp được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà Hằng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003665 ngày 30/3/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1. Bà Hằng đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Hằng được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Văn Sáu được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân được quyền kháng nghị theo quy định.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào lúc giờ phút, ngày 21 tháng 12 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

